

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu A; nơi cư trú: Tổ dân phố PH, phường ĐP, quận DK, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Bị đơn: Anh Đinh Xuân B; ĐKKHKT: Tổ 2, phường NX, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; hiện đang trú tại: 29 Talbot Street, Sunshine north, VT, Australia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thu A trình bày:

Chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đồng ý kết hôn tại UBND phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vào ngày 07/4/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, lối sống dẫn đến cả hai không có tiếng nói chung, hay cãi vã. Hiện nay vợ chồng chị đã ly thân. Tuy nhiều lần được gia đình hai bên, bạn bè hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được hàn

gắn. Nay chị A thấy Trịnh Thị Thu A không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể đoàn tụ. Nên chị A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân B.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B có 02 con chung là cháu Đinh Thị An C, sinh ngày 23/09/2011 và cháu Đinh Thị Thảo D, sinh ngày 16/12/2013. Ly hôn, chị đề nghị giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 280m² tại thửa số 46, tờ bản đồ số 86, có địa chỉ tại: Tổ dân phố PH, phường ĐP, quận DK, thành phố Hải Phòng đã được UBND quận Dương Kinh cấp GCNQSDĐ số CH967420 ngày 07/6/2017 cho chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B. Sau đó tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị Trịnh Thị Thu A rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn anh Đinh Xuân B trình bày thống nhất với chị Trịnh Thị Thu A về quan hệ hôn nhân, về thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng. Anh B đề nghị Tòa án nhân dân Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị Thu A.

Về con chung: Anh B và chị Trịnh Thị Thu A có 02 con chung là cháu Đinh Thị An C, sinh ngày 23/9/2011 và cháu Đinh Thị Thảo D, sinh ngày 16/12/2013. Ly hôn, anh B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giao cả 02 con chung là cháu Đinh Thị An C và cháu Đinh Thị Thảo D cho chị Trịnh Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 280m² tại thửa số 46, tờ bản đồ số 86. có địa chỉ tại: Tổ dân phố PH, phường ĐP, quận DK, thành phố Hải Phòng đã được UBND quận Dương Kinh cấp GCNQSDĐ số CH967420 ngày 07/6/2017 cho chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B. Anh chị thỏa thuận được với nhau về tài sản chung như sau: Thống nhất giao toàn bộ tài sản chung gồm đất và các tài sản trên đất cho chị Hải quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt. Anh B không đề nghị được chia hay có quyền gì về tài sản chung nêu trên khi ly hôn. Anh Đinh Xuân B có bản tự khai thể hiện anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung là thửa đất như trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin rút yêu cầu về việc giải quyết tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Đinh Xuân B hiện đang sinh sống tại Australia, nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thu A, bị đơn là anh Đinh Xuân B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị Thu A, anh Đinh Xuân B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân B và chị Trịnh Thị Thu A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vào ngày 07 tháng 4 năm 2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào lời khai của chị A và anh B, nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị không còn, vợ chồng không có sự gắn bó, chia sẻ cùng xây dựng cuộc sống chung và đã ly thân trong một thời gian dài. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị A và anh B là tự nguyện, hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B.

[2] Về con chung: Chị A và anh Đinh Xuân B có 02 con chung là cháu Đinh Thị An C, sinh ngày 23/09/2011 và cháu Đinh Thị Thảo D, sinh ngày 16/12/2013 hiện nay đều đang ở cùng chị A. Ly hôn, chị A và anh B cùng thống nhất đề nghị giao cả 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của hai anh chị về việc nuôi con chung khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Thu A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thu A được ly hôn anh Đinh Xuân B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đinh Thị An C, sinh ngày 23/09/2011 và cháu Đinh Thị Thảo D, sinh ngày 16/12/2013 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Thu A và anh Đinh Xuân B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000372 ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị Thu A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị Thu A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Đinh Xuân B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Phạm Mạnh Hùng Vũ Thị Minh
 Nguyệt**

Trần Thị Vân Thúy

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy